

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10.7.2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Điền

Hội thẩm nhân dân:

1. bà Nguyễn Thúy Kiên

2. bà Thái Ánh Trinh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 12.5.2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phạm Ngọc G**, sinh năm 1988, cư ngụ khu vực A, phường B, quận T, tp. Cần Thơ.

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1987, cư ngụ khu vực A, phường B, quận T, tp. Cần Thơ.

3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung:

3.1. cháu Nguyễn Thị Kim H

sinh năm 2010

3.2. cháu Nguyễn An P

sinh năm 2014

(Đang sống với anh T; do anh T là người giám hộ).

(tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 12.4.2023, nguyên đơn chị Phạm Ngọc G trình bày:* Do gia đình làm mai mối nên vào năm 2009 chị với anh Nguyễn Quốc T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường B năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng cho đến đầu năm 2023 thì ly thân.

Thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2010 và Nguyễn An P, sinh năm 2014 đang sống với anh T; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Quốc T; Ôn định cho anh T được quyền nuôi các con chung, chị yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con.

** Quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:* Anh thừa nhận vợ chồng được gia đình mai mối và tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh và làm thuê đến khi ly thân. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung hiện đang sống với anh; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nay chị G yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà yêu cầu đoàn tụ; Về con chung anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con đến trưởng thành, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Ngọc G đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc T; *Về con chung:* ôn định cho anh T được quyền nuôi 02 con chung đến trưởng thành, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: chị G phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* chị Phạm Ngọc G với anh Nguyễn Quốc T được gia đình hai bên tác hợp và tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị G có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phạm Ngọc G có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Quốc T đã được Tòa án tổng đạt công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn được gia đình tác hợp có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị G thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, anh T ham chơi không chăm sóc vợ con, thậm chí còn nhiều lần đánh chị nên từ đầu năm 2023 chị sống ly thân với anh T từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết, chị G kiên quyết ly hôn; anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng luôn vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị G với anh T đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị G, anh T khai vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2010 và Nguyễn An P, sinh năm 2014 - đang sống chung với anh T. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Theo đó, chị G/anh T thống nhất ổn định cho anh T được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung đến trưởng thành nên được Hội đồng xét xử ghi nhận ghi nhận sự thỏa thuận theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: anh T không yêu cầu, chị G không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Phạm Ngọc G phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56, điều 81, điều 84 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Ngọc G đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc T.

1. *Về hôn nhân*: chị Phạm Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2. *Về con chung*: anh Nguyễn Quốc T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2010 và Nguyễn An P, sinh năm 2014 đến trưởng thành. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị G thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Phạm Ngọc G phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số: 0003889 ngày 05.5.2023 thành án phí. Chị G đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- UBND phường B
(nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền